CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng Công ty cơ khí xây dựng - CTCP

Ngày 30/09/2025	3,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	-	-

DT thuần
Q3/25
75.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.80| 8.3%
YoY: ▲ 1.80| 2.5%

LN thuần
Q3/25
5.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.81| 19.1%
YoY: ▼18.6| -78.6%

LN sau thuế
Q3/25
3.68
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.80| 27.7%
YoY: ▼9.42| -71.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
8.1%
YoY: +/-▼ 0.0%

ROE (TTM)
Q3/25
-49.7%
YoY: +/-▲ 10.1%

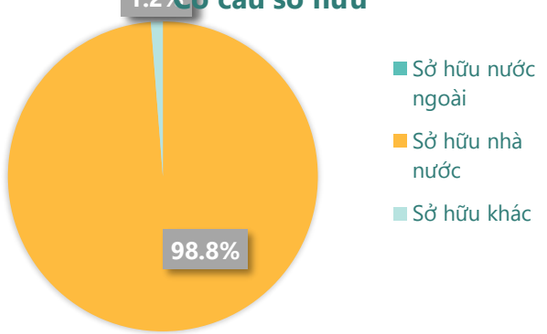
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,000 - 4,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	72
Số lượng CPLH (CP)	23,850,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.08
EPS	1,346
P/E	2.2

DT thuần
9T 2025
207
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 37.0| 21.5%

LN thuần
9T 2025
12.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.6| -50.7%

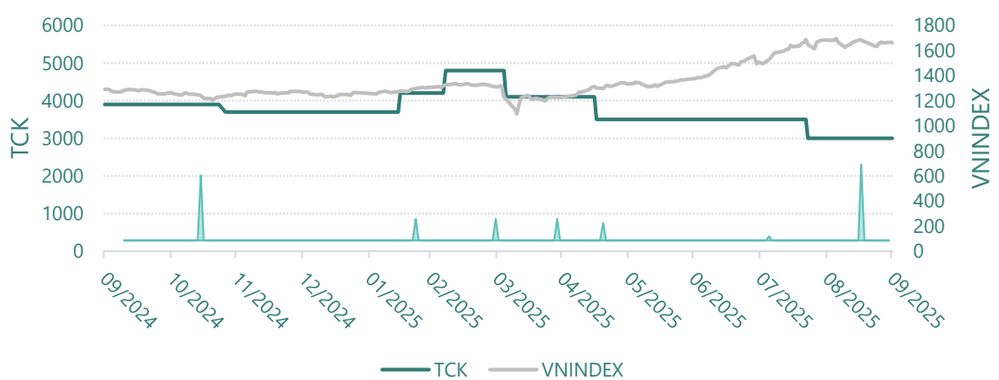
LN sau thuế
9T 2025
8.18
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.42| -34.9%

Cơ cấu sở hữu

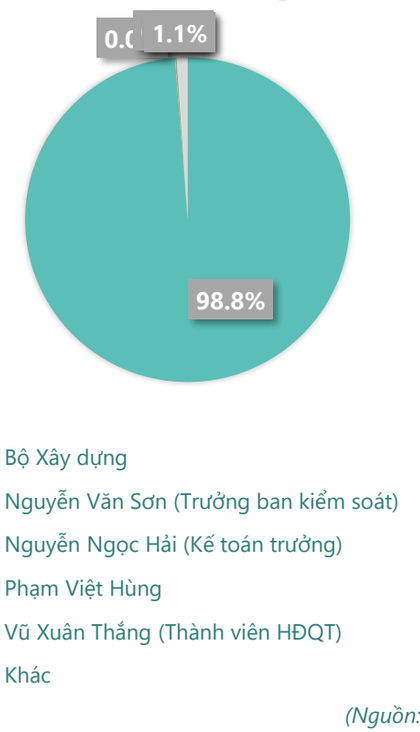


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



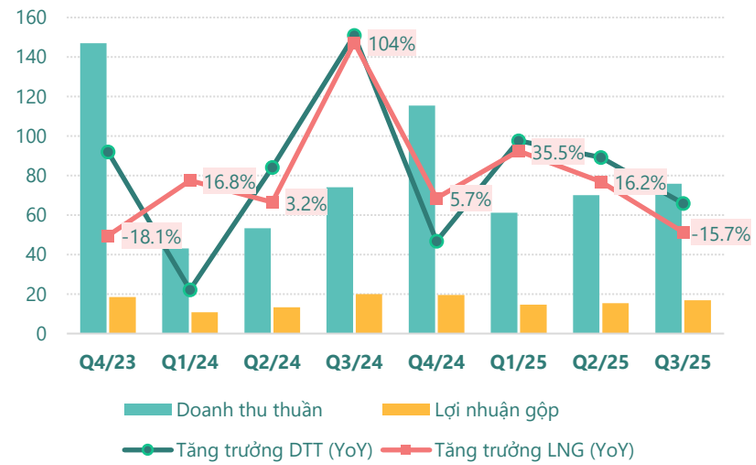
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

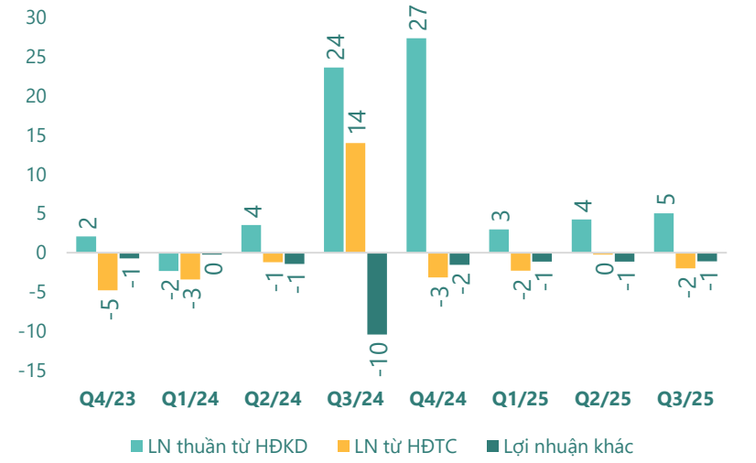
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



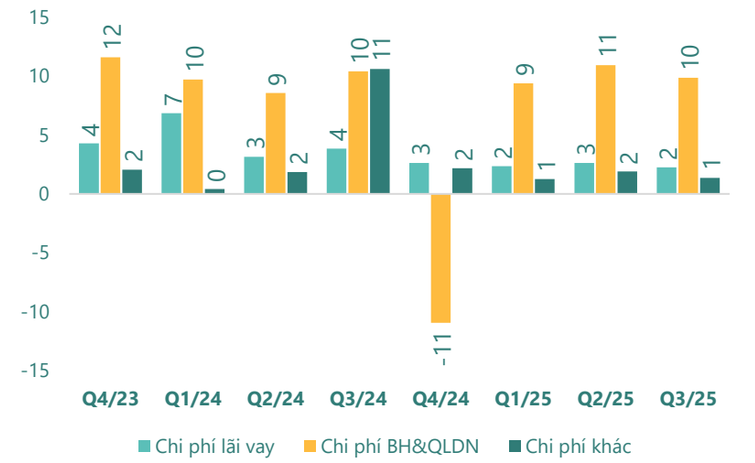
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



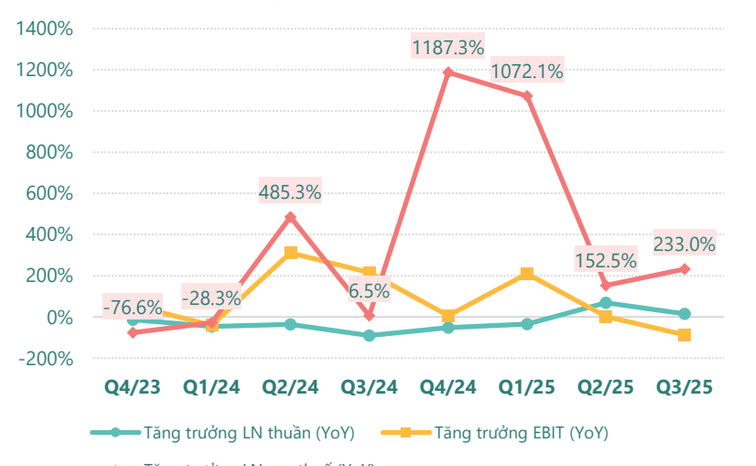
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



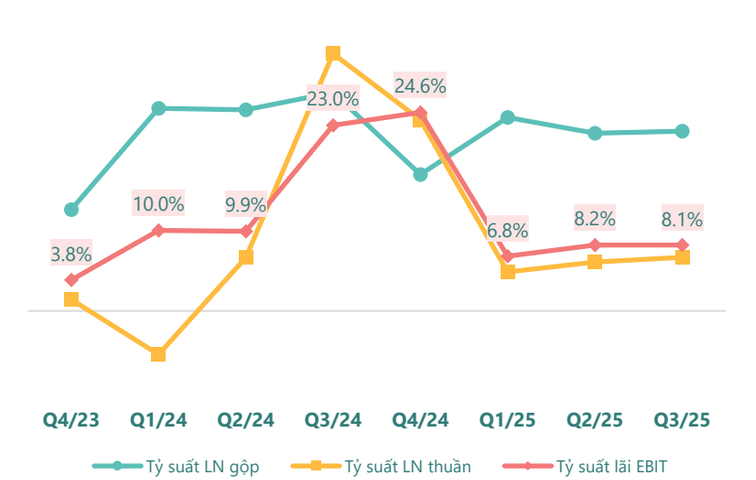
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



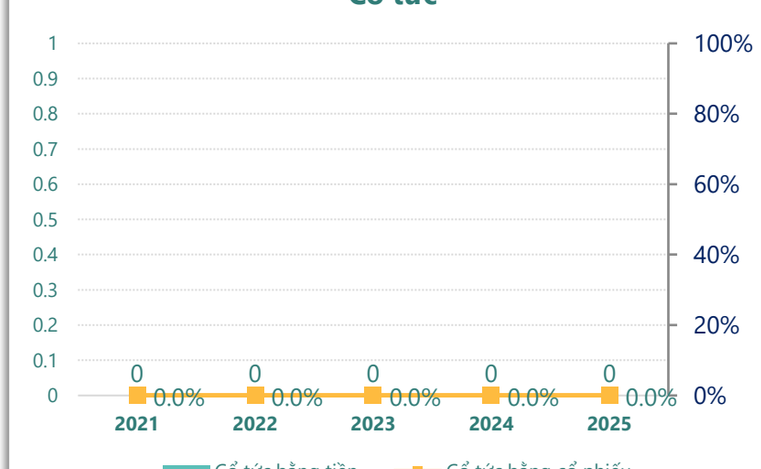
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

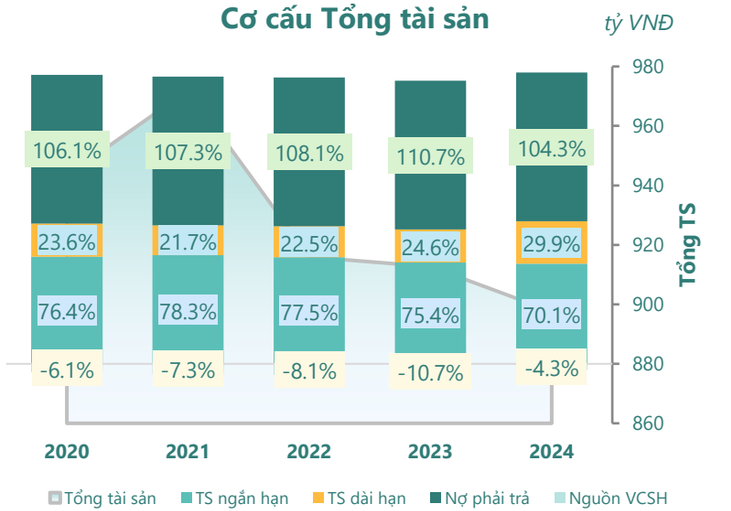
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

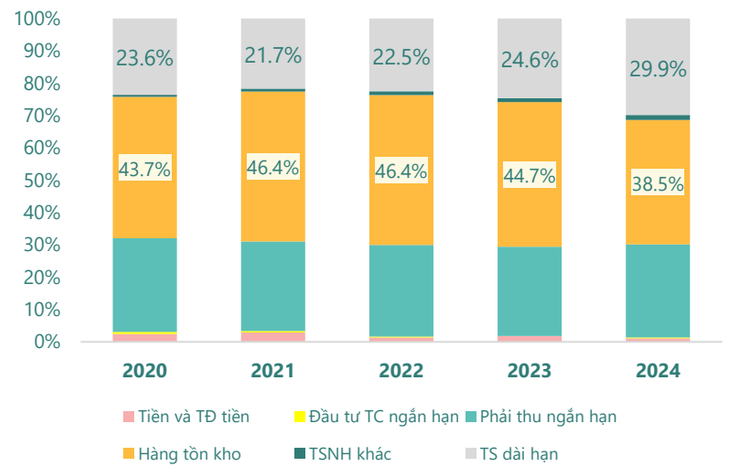
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



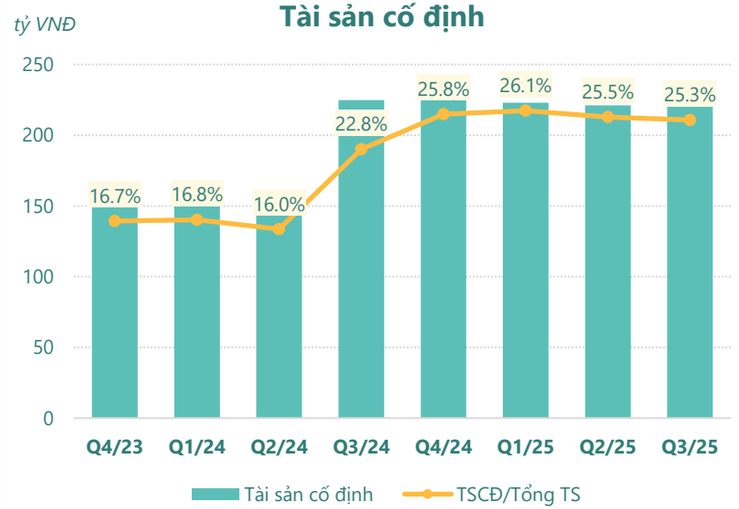
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



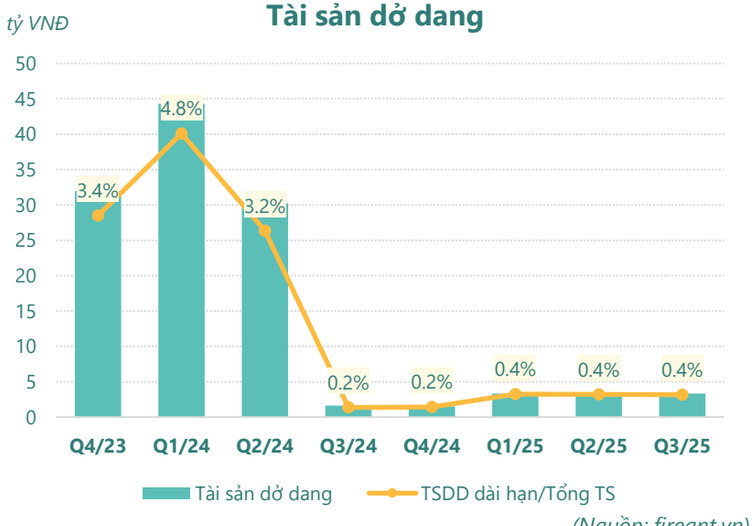
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



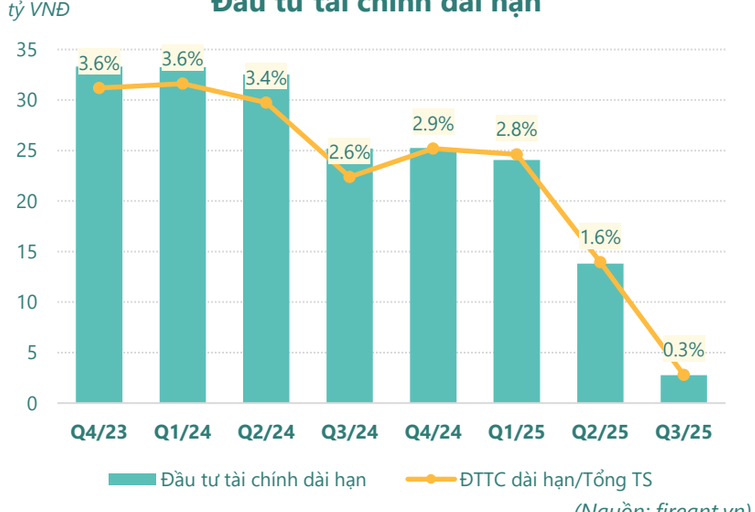
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



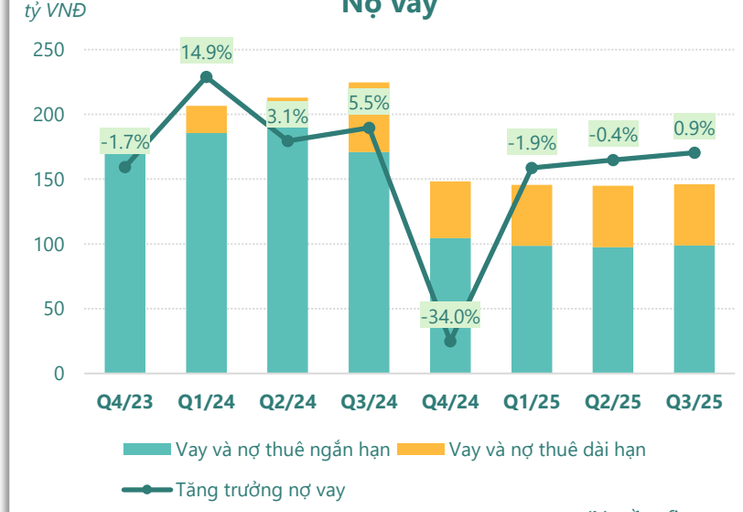
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

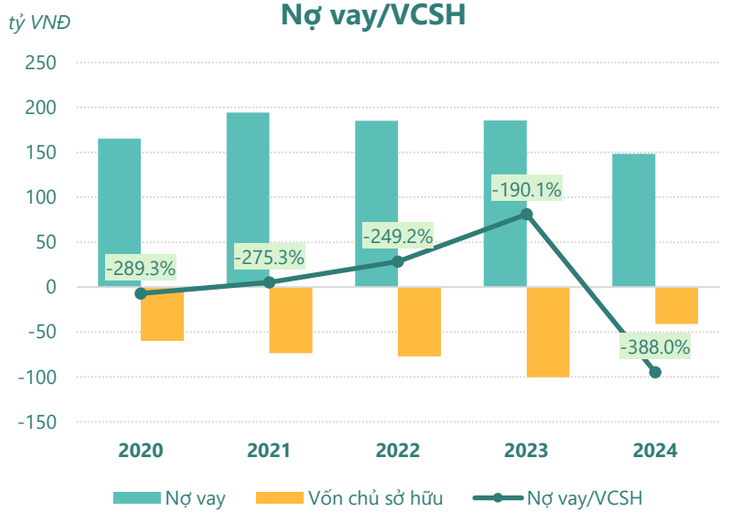
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



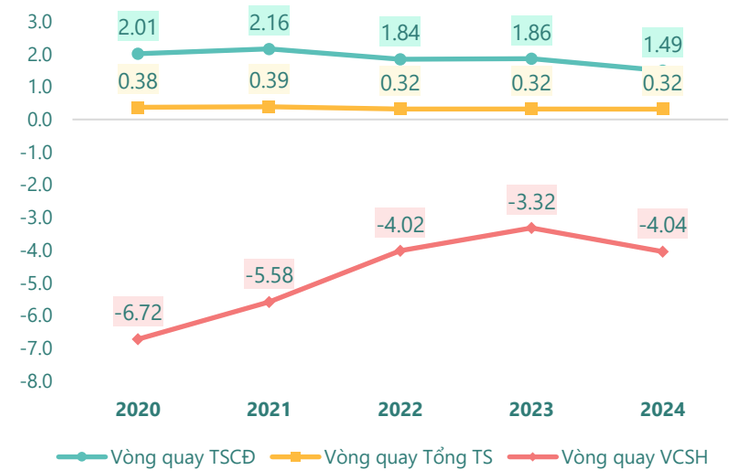
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



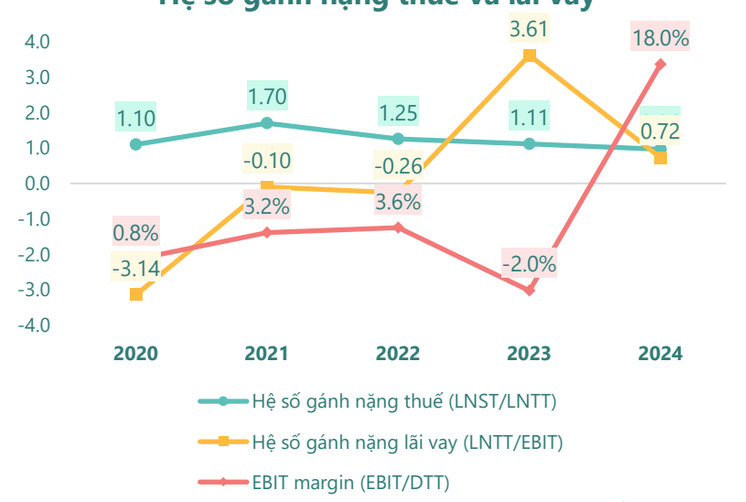
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



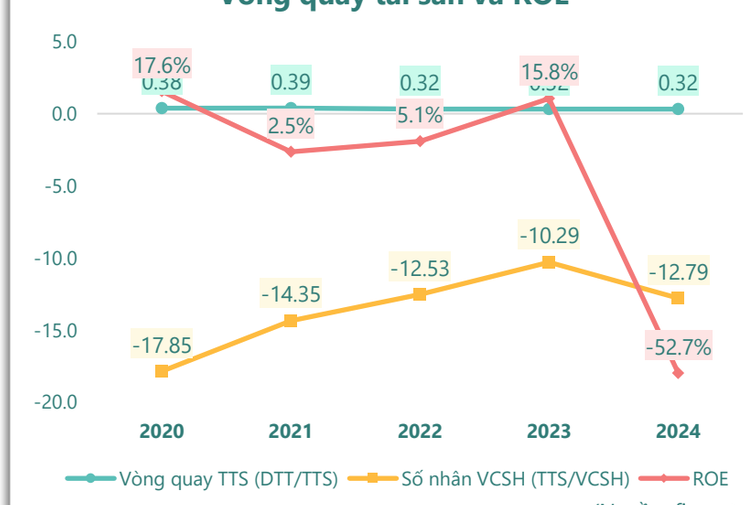
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



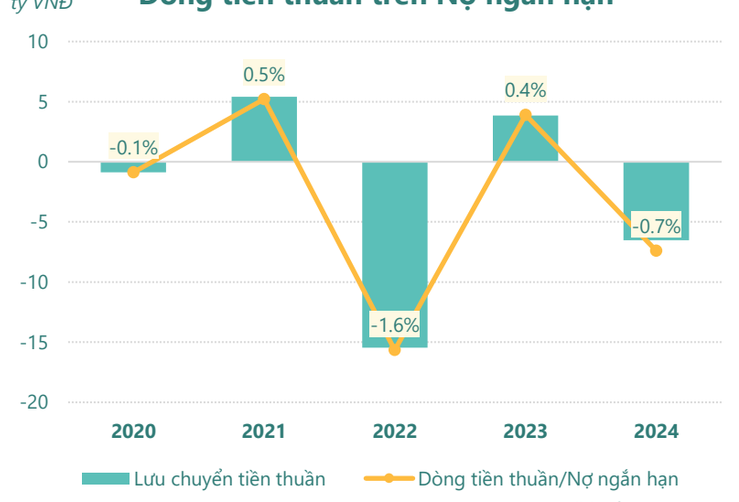
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**75.8**	**74.0**	**2.5%**	**207**	**170**	**21.5%**
Giá vốn hàng bán	58.9	54.0	9.1%	160	126	26.8%
Lợi nhuận gộp	16.9	20.1	-16.0%	47.0	44.2	6.4%
Doanh thu HĐTC	0.28	17.9	-98.4%	2.71	19.9	-86.4%
Chi phí TC	2.26	3.86	-41.5%	7.25	10.5	-31.0%
Chi phí lãi vay	2.26	3.85	-41.3%	7.25	13.9	-47.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.45	0.58	-21.6%	1.35	1.61	-16.4%
Chi phí QLDN	**9.42**	**9.86**	**-4.5%**	**28.9**	**27.1**	**6.5%**
LN thuần từ HĐKD	5.04	23.6	-78.6%	12.2	24.8	-50.7%
Lợi nhuận khác	**-1.12**	**-10.4**	**89.2%**	**-3.41**	**-12.1**	**71.7%**
LN trước thuế	3.92	13.2	-70.3%	8.81	12.7	-30.9%
Lợi nhuận sau thuế	**3.68**	**13.1**	**-71.9%**	**8.18**	**12.6**	**-34.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.92**	**12.7**	**-77.0%**	**6.58**	**13.6**	**-51.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-28.9	3.99	61.8	-1.96	-2.59	8.32
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	16.5	-22.1	-56.9	-1.94	14.0	-16.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	12.6	20.3	-10.1	3.08	-6.48	6.92
Tiền đầu kỳ	15.4	15.7	17.8	10.00	9.17	14.1
Lưu chuyển tiền thuần	**0.24**	**2.20**	**-5.12**	**-0.83**	**4.95**	**-1.48**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	15.7	17.8	12.7	9.17	14.1	12.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**870**	**898**	**-3.0%**
Tài sản ngắn hạn	618	630	-1.8%
Tiền và tương đương tiền	12.6	10.00	26.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.16	2.54	181%
Phải thu ngắn hạn	248	258	-4.0%
Hàng tồn kho	337	345	-2.3%
Tài sản ngắn hạn khác	13.3	13.8	-3.2%
Tài sản dài hạn	**252**	**268**	**-6.0%**
Phải thu dài hạn	0	0.90	-100%
Tài sản cố định	220	226	-2.7%
Bất động sản đầu tư	0.50	0.50	0.0%
Tài sản dở dang	3.32	3.32	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.77	24.1	-88.5%
Tài sản dài hạn khác	**25.3**	**12.9**	**95.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	901	936	-3.8%
Nợ ngắn hạn	**843**	**880**	**-4.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	98.8	104	-5.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	103	110	-6.0%
Nợ dài hạn	58.2	55.4	5.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	47.4	43.8	8.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-30.5**	**-38.2**	**20.3%**
Vốn chủ sở hữu	**-33.3**	**-41.1**	**18.9%**
Vốn điều lệ	239	239	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**2.88**	**2.88**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)